

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Bản án số: 1082/2018/DS-ST  
Ngày: 30/11/2018  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Ông Phạm Văn Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Nguyễn Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2018/TLST-DS ngày 13/8/2018 về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 548/2018/QĐXXST-DS ngày 24/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 521/2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1952 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 85/6 ấp X, xã Y, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Q; Địa chỉ: 82/17Q ấp X, xã Y, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H (vắng mặt).

Địa chỉ: 82/17Q ấp X, xã Y, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Ngày 08/11/2016, bà U cho vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Lê Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, khi nào cần sử dụng tiền thì bà U thông báo trước để ông Q và bà H trả lại. Bà đã yêu cầu ông Q, bà H trả lại tiền đã vay từ tháng 12/2017 nhưng ông Q, bà H tránh né, không trả lại cho bà. Do đó, bà U khởi kiện yêu cầu ông Q, bà H phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã vay, không yêu cầu trả tiền lãi. Bà U xác định đây là tiền của cá nhân bà cho vợ

chồng ông Q, bà H vay, bà tự chịu trách nhiệm, không liên quan đến người khác nên bà đề nghị Tòa án không triệu tập chồng, các con của bà tham gia tố tụng trong vụ án này.

*Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bị đơn ông Trần Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa:*

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Q, bà H phải trả cho bà U số tiền 100.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại khoản tiền đã vay; Bị đơn thường trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về địa chỉ cư trú của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H có hộ khẩu thường trú tại 82/17Q ấp X, xã Y, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, bỏ địa phương đi từ tháng 5/2018 mà không thông báo địa chỉ mới là cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung, quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trần Văn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 548/2018/QĐXXST-DS kèm Giấy triệu tập số 1141/GTT ngày 24/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 521/2018/QĐST-DS kèm Giấy triệu tập số 1144/GTT ngày 12/11/2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện trong vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại khoản tiền đã vay; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản hồi nên trong vụ án này, Hội

đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về yêu cầu trả lại số tiền 100.000.000 đồng:

Căn cứ vào Giấy mượn nợ ngày 08/11/2016 do ông Trần Văn Q, bà Lê Thị H lập và lời trình bày của bà U, xác định ông Q, bà H đã vay số tiền 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị U. Giao kết giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

Tại Giấy mượn nợ nêu trên các bên không xác định thời hạn vay nhưng có ghi nhận "*khi nào cần thì sẽ báo trước*". Theo trình bày của bà U thì bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần từ tháng 12/2017 nhưng ông Q, bà H không trả. Hơn nữa, bà U đã khởi kiện yêu cầu ông Q, bà H phải trả lại khoản tiền này từ ngày 10/5/2018 nhưng ông Q và bà H không trả. Do đó, bà U khởi kiện yêu cầu ông Q, bà H trả số tiền đã vay 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015.

[6] Về tiền lãi: Tại Giấy mượn nợ ngày 08/11/2016, các bên có ghi nhận lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U không yêu cầu ông Trần Văn Q và bà Lê Thị H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ*". Ông Q, bà H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

Từ những nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận đúng như ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, buộc ông Q, bà H phải trả lại cho bà U số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 08/11/2016.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Văn Q và bà Lê Thị H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị U số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), theo giấy mượn nợ ngày 08 tháng 11 năm 2016.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn Q và bà Lê Thị H chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Q và bà Lê Thị H phải chịu số tiền 5.000.000 đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trả lại cho bà Nguyễn Thị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004615 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**Phạm Văn Huy**